

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ M2 GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ M2 GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: M2 GLOBAL E-COMMERCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: M2 GLOBAL

2. Mã số doanh nghiệp: 0110803641

3. Ngày thành lập: 05/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 123 ngõ 66 Ngọc Lâm, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968994439

Fax:

Email: tangvd@m2.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	9000
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ hoạt động đấu giá)	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ hoạt động đấu giá)	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ hoạt động đấu giá)	4652
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ hoạt động đấu giá)	4663
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4669

9.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)	4690
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ hoạt động đầu giá)	4719
11.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
12.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4751
13.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4752
14.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4759
15.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	4771
16.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
17.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đầu giá)	4784
18.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
19.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đầu giá)	4799
20.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
21.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ phim, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm) (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, điện ảnh)	5911
22.	Hoạt động hậu kỳ (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, điện ảnh)	5912

23.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, hoá chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, điện ảnh) (Trừ phim, chương trình truyền hình bị Nhà nước cấm)	5913
24.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
25.	Lập trình máy vi tính	6201
26.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
27.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	6209
28.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp cho thuê hạ tầng thông tin)	6311
29.	Cổng thông tin (Trừ thông tin nhà nước cấm, không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
30.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: + Dịch vụ hỗ trợ hiển thị thông tin sản phẩm, thông tin doanh nghiệp; + Cung cấp thông tin sản phẩm, thông tin doanh nghiệp; + Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí Trừ hoạt động điều tra (Trừ hoạt động điều tra)	6399
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
32.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ hoạt động Tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán)	7020
33.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310(Chính)
34.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường	7320
35.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
39.	Đào tạo sơ cấp	8531
40.	Đào tạo trung cấp	8532
41.	Đào tạo cao đẳng	8533
42.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ dạy về tôn giáo, các trường của các tổ chức Đảng- Đoàn)	8559

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN HỒNG KHANH	3 ngách 43/1 Kim Đồng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	61.250	612.500.000	12,250	0400850000 21	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	61.250	612.500.000	12,250		

2	VŨ MẠNH ÁI	Thôn Thống Nhất, Xã Trung Giã, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	61.250	612.500.000	12,250	0360860006 55
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	61.250	612.500.000	12,250	
3	NGUYỄN HẢI ĐƯỜNG	B6-22A TT 250 Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	255.000	2.550.000.000	51,000	0340740070 33
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	255.000	2.550.000.000	51,000	
4	LÊ HOÀI TRUNG	7/31 Đặng Đức Thuật, Tổ 23 , Phường Tam Hòa, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	61.250	612.500.000	12,250	0350730095 64
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	61.250	612.500.000	12,250	

5	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	38 Tổ 3 Đại Yên, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	61.250	612.500.000	12,250	0011860144 47
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	61.250	612.500.000	12,250	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VŨ ĐỨC TĂNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *04/06/1994*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *022094001577*

Ngày cấp: *06/07/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 4, Khu Tân Lập 4, Phường Cẩm Thủy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 4, Khu Tân Lập 4, Phường Cẩm Thủy, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội